

Số: 654 /BVĐKĐN-VTTBYT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

V/v yêu cầu báo giá các gói thầu thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm y tế sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai giai đoạn năm 2026-2028

Kính gửi: Các công ty cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm y tế trên toàn quốc.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ nhu cầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm tập trung sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai giai đoạn 2026-2028.

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm y tế giai đoạn năm 2026 - 2028 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

2. Thông tin liên hệ của Bộ phận tiếp nhận báo giá:

- Bộ phận tiếp nhận: Phòng Vật tư Thiết bị y tế

- Địa chỉ tiếp nhận: Phòng Vật tư Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: (02518) 825 609 hoặc Kẹt Trà Mi (0908.070.486) – Nhân viên phòng VTTBYT

3. Cách thức nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc bưu điện.

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng khởi, phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày ký Thông báo mời chào giá đến trước 16 giờ 30 ngày 10 tháng 05 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 06 tháng, kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm (*theo file danh mục đính kèm*).

2. Giá chào giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật.

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

6. Hồ sơ đính kèm Báo giá gồm:

- Văn bản đề nghị chào giá có thể hiện cam kết, chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với: mặt hàng chào giá đáp ứng các yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật mời chào giá (kèm theo các tài liệu pháp lý và thông tin của doanh nghiệp); bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Các thông báo, quyết định trúng thầu của mặt hàng chào giá (nếu có) trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký Thông báo mời chào giá trên Hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia - Bộ Tài chính.

- Các công ty cam kết không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Các công ty cam kết Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT.
(MiKT)

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Tuấn

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

MÃ SỐ THUẾ: ...

SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

Theo Công văn mời chào giá số: /BVĐKĐN-VTTBYT ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Mã số chào giá	Tên hàng hóa thông thường yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Số đăng ký lưu hành	Phân loại TBYT	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá báo giá (VNĐ)	Công ty báo giá	Đơn giá đã trúng thầu dưới 12 tháng (Nếu có)	Quyết định trúng thầu (Nếu có)	Nơi trúng thầu (Nếu có)	Ghi chú
											(Ghi rõ % VAT và số tiền tương đương)					

- Số 2 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

-ĐT: (02518) 825609 Website: benhviendakhoadongnai.com

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng 06 tháng kể từ ngày 10/05/2026.

- Chúng tôi cam kết:

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày... tháng... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC

YÊU CẦU BỔ SUNG GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2026-2028

Gói thầu số 01: Hóa chất, vật tư xét nghiệm

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	BVDKDN1333	Bộ xét nghiệm định lượng DNA Hepatitis B virus (HBV)	<p>Bộ kit ứng dụng công nghệ realtime PCR phát hiện và định lượng DNA đặc hiệu cho virus viêm gan B (HBV) (các kiểu gen từ A đến H) trong huyết tương EDTA người, để theo dõi tải lượng virus ở các bệnh nhân nhiễm HBV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách đóng gói: 96 phản ứng - Tất cả hóa chất đều sẵn sàng sử dụng, có thể nạp trực tiếp lên hệ thống tự động và có mã vạch để truy xuất nguồn gốc, tích hợp LIMS. - Thành phần: 8 ống Master A, 8 ống Master B, 2 ống mỗi loại Mẫu chuẩn định lượng QS1, QS2, QS3, QS4, 2 ống Mẫu chứng âm NTC. Mẫu chuẩn định lượng QS được hiệu chuẩn theo Tiêu chuẩn quốc tế thứ 4 của WHO về NAT HBV. - Cung cấp kèm chứng nội IC kiểm soát toàn bộ quá trình từ tách chiết đến Real-time PCR về sau. - Master A và Master B chứa tất cả các thành phần (đệm PCR, DNA polymerase, muối magiê, đoạn môi và đầu dò) để cho phép khuếch đại qua trung gian PCR và phát hiện mục tiêu DNA đặc hiệu. Mục tiêu phát hiện: đồng thời HBV genotype A to H (FAM) và IC (JOE/VIC) cho từng phản ứng - Mẫu đầu vào: Huyết tương người trong EDTA - Giới hạn phát hiện: 10,2 IU/ml (khoảng tin cậy 95 %: 7,6–15,8 IU/ml) 	test	7,392	
2	BVDKDN1334	Bộ xét nghiệm định lượng RNA Hepatitis C virus (HCV)	<p>Bộ kit ứng dụng công nghệ realtime PCR phát hiện và định lượng RNA đặc hiệu cho virus viêm gan C (HCV) (các kiểu gen từ 1 đến 6) trong huyết tương và huyết thanh EDTA người để theo dõi tải lượng virus ở các bệnh nhân nhiễm HCV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách đóng gói: 96 phản ứng/ Hộp - Tất cả hóa chất đều sẵn sàng sử dụng, có thể nạp trực tiếp lên hệ thống tự động và có mã vạch để truy xuất nguồn gốc, tích hợp LIMS. - Thành phần: 8 ống Master A, 8 ống Master B, 2 ống mỗi loại Mẫu chuẩn định lượng QS1, QS2, QS3, QS4, 2 ống Mẫu chứng âm NTC. Các mẫu chuẩn định lượng QS được hiệu chuẩn theo Tiêu chuẩn Quốc tế của WHO phiên bản 6 về NAT HCV. - Cung cấp kèm chứng nội IC kiểm soát toàn bộ quá trình từ tách chiết đến Real-time (RT)-PCR về sau. - Master A và Master B chứa tất cả các thành phần (đệm PCR, enzyme phiên mã ngược, enzyme DNA polymerase, muối magiê, đoạn môi và đầu dò) để cho phép phiên mã ngược cũng như khuếch đại qua trung gian PCR và phát hiện mục tiêu RNA đặc hiệu - Mục tiêu phát hiện: HCV genotype 1 to 6 (FAM) và IC (JOE/VIC) cho từng phản ứng - Mẫu đầu vào: Huyết tương người trong EDTA, Huyết thanh người - Giới hạn phát hiện: 11,1 IU/ml (95 % khoảng tin cậy: 7,8–18,5 IU/ml) 	test	1,536	
3	BVDKDN1335	Bộ xét nghiệm định lượng RNA HIV-1	<p>Bộ kit ứng dụng công nghệ realtime PCR để phát hiện và định lượng RNA đặc hiệu cho virus suy giảm miễn dịch ở người loại 1 (HIV-1) trong huyết tương người trong EDTA, để theo dõi tải lượng virus ở các bệnh nhân nhiễm HIV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách đóng gói: 96 phản ứng - Tất cả hóa chất đều sẵn sàng sử dụng, có thể nạp trực tiếp lên hệ thống tự động và có mã vạch để truy xuất nguồn gốc, tích hợp LIMS. - Thành phần: 8 ống Master A (ống nắp xanh lam), 8 ống Master B (ống nắp tím), 2 ống mỗi loại Mẫu chuẩn định lượng QS1, QS2, QS3, QS4 (ống nắp đỏ), 2 ống Mẫu chứng âm NTC (ống nắp trắng). Mẫu chuẩn định lượng QS được hiệu chuẩn theo Tiêu chuẩn quốc tế thứ 4 của WHO về RNA của HIV-1 - Cung cấp kèm chứng nội IC kiểm soát toàn bộ quá trình (process control) từ tách chiết đến Real-time (RT)-PCR về sau. - Master A và Master B chứa tất cả các thành phần (đệm PCR, DNA polymerase, muối magiê, đoạn môi và đầu dò) để cho phép khuếch đại qua trung gian PCR và phát hiện mục tiêu DNA đặc hiệu. - Mục tiêu phát hiện: đồng thời HIV genotype M, N và O (FAM) và IC (JOE/VIC) cho từng phản ứng - Mẫu đầu vào: Huyết tương người trong EDTA - Giới hạn phát hiện: 30 IU/ml (khoảng tin cậy 95 %: 21–54 IU/ml) đối với các phân loại HIV có trong nhóm M (A, C, D, E, F, G, H, AG), nhóm N, cũng như trong nhóm O - Độ đặc hiệu phân tích: ≥ 99 % - Phạm vi tuyến tính: 1,00E+02–1,00E+07 IU/ml 	test	2,880	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	BVDKDN1336	Bộ Kit tách chiết và tinh sạch nucleic acid trên hệ thống tự động	Bộ kit tách chiết và tinh sạch tự động RNA và DNA từ các mẫu ở người nhằm mục đích chẩn đoán in vitro. - Quy cách đóng gói: 1152 phản ứng (với thể tích mẫu đầu vào 500ul) hoặc 576 phản ứng (với thể tích mẫu đầu vào 1.000 µl). Các thành phần được đóng gói thành 2 hộp. - Thành phần: Hộp 1 bao gồm 6 ống mỗi loại Đệm ly giải, Đệm rửa 1, Đệm rửa 2, Đệm rửa 3, 120 giấy bạc niêm phong vật chứa; Hộp 2 bao gồm 24 ống mỗi loại Chất tăng cường, Hạt từ và 18 ống Đệm rửa giải. - Mẫu đầu vào tương thích: Máu người toàn phần trong citrate và EDTA, Huyết tương người toàn phần trong citrate và EDTA, Huyết thanh người, Nước tiểu người, Phân người, Dịch não tủy (CSF) người, Dịch que phết (swab) mẫu người trong môi trường vận chuyển virus, Rửa phế quản phế nang ở người (BAL). - Dựa trên công nghệ hạt từ, sử dụng các hạt từ phủ silica có thể liên kết và giải phóng nucleic acid trong các điều kiện cụ thể. - Ổn định trong vòng 28 ngày kể từ khi mở nắp sử dụng	test	25,728	
5	BVDKDN1337	Đầu côn 1000µl	Đầu côn thể tích 1000µL chuyên dùng cho máy tách chiết và chuẩn bị PCR tự động. Đầu tip CO-RE thể tích 1000 µl, có lọc, màu đen Chất liệu: Polypropylen Đầu tip CO-RE thể tích 1000 µl, có lọc Quy cách: 96 đầu tip/khay	tip	130,200	
6	BVDKDN1338	Đầu côn 300µl	Đầu côn thể tích 300µL chuyên dùng cho máy tách chiết và chuẩn bị PCR tự động. Đầu tip CO-RE thể tích 300µl, có lọc, màu đen Chất liệu: Polypropylen Đầu tip CO-RE thể tích 300 µl, có lọc Quy cách: 96 đầu tip/khay	tip	55,200	
7	BVDKDN1339	Đĩa 96 giếng sâu có mã vạch bọc hoàn toàn	Đĩa 96 giếng sâu, có viền nhựa bao quanh hoàn toàn, kèm mã vạch	Cái	1,200	
8	BVDKDN1340	Đĩa rửa giải	Đĩa 96 giếng, có viền nhựa bao quanh một phần, kèm mã vạch	Cái	600	
9	BVDKDN1341	Giấy bạc niêm phong cho đĩa rửa giải	Giấy bạc niêm phong cho đĩa rửa giải	Cái	600	
10	BVDKDN1342	Đĩa PCR	Đĩa 96 giếng, có viền nhựa bao quanh một phần, lòng giếng màu trắng, kèm mã vạch	Cái	1,200	
11	BVDKDN1343	Giấy bạc niêm phong cho đĩa PCR	Giấy bạc niêm phong cho đĩa PCR	Cái	1,200	
12	BVDKDN1344	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	1. Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước, Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	3,960,000	
13	BVDKDN1345	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	1. Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0% 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước, Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	20,000	
14	BVDKDN1346	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để bạch phân bạch cầu	1. Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11% 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước, Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	20,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	BVDKDN1347	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	1. Thành phần: Sodium alkyl ether sul phate: 0.069% 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tinh tan: tan trong nước, Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	60,000	
16	BVDKDN1348	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	1. Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.1%, Sodium hydroxide <0.5% 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tinh tan: tan trong nước ; Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: chỉ dùng 1 lần 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	900	
17	BVDKDN1349	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức trung bình	1. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lý: chất lỏng +Màu: đỏ sẫm +Độ pH: trung tính +Tinh tan: tan trong nước +Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C +Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	90	
18	BVDKDN1350	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	1. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lý: chất lỏng +Màu: đỏ sẫm +Độ pH: trung tính +Tinh tan: tan trong nước +Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C +Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	90	
19	BVDKDN1351	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	1. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lý: chất lỏng +Màu: đỏ sẫm +Độ pH: trung tính +Tinh tan: tan trong nước +Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C +Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE,	ml	90	
20	BVDKDN1352	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để hiệu chuẩn máy	1. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật Dùng để hiệu chuẩn máy phân tích huyết học; Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 7 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	ml	20	
21	BVDKDN1353	Phin lọc cho máy huyết học	1. Thành phần: Phin lọc cho máy huyết học 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật Mật độ: 0.9 g/cm3 Đàn hồi kéo: 1400 MPa Độ bền kéo: 33 MPa Hệ số uốn: 1400 MPa Độ bền uốn: 40 Mpa Nhiệt độ biến dạng: 85°C	Chiếc	30	
22	BVDKDN1354	Khay định danh vi khuẩn Gram âm	- Khay chứa ≥ 32 test sinh hóa dạng khô - Khay được ủ với huyền dịch vi khuẩn ở 34-36°C trong 5 hoặc 18 giờ - Kết quả được đọc dựa trên tín hiệu huỳnh quang - Mỗi khay được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. Thông số kỹ thuật - Khay có thể thực hiện định danh cho 3 chủng vi khuẩn Gram âm cùng một lúc. - Thành phần hóa chất định danh: Lysine AMC, Urea, Ornithine, Sorbitol, Xylose, 2-acetamido-2-deoxyglucoside + α-L-arabinoside MU, Sucrose, β-D-Glucuronide MU, Phosphate MU, Trehalose, Bis-Phosphate MU, Mannitol, Maltose, α-D-Glucoside MU, Inositol, β-D Galactoside MU, Proline AMC, Fructose, Esculin, Arabinol, Arabinose, Lysine, Tryptophan deaminase, Raffinose, γ-Glutamine AMC, Arginine, α-D-Galactoside MU, Cellobiose, Malonate, Pyruvate, Citrate, Agmatine. - Bảo quản: 15 -25°C	khay	700	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa môi trường (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	BVDKDN1355	Khay định danh vi khuẩn Gram dương	<ul style="list-style-type: none"> - Khay chứa ≥ 32 test sinh hóa dạng khô - Khay được ủ với huyền dịch vi khuẩn ở 34-36°C trong 18 hoặc 24 giờ - Kết quả được đọc dựa trên tín hiệu huỳnh quang - Mỗi khay được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay có thể thực hiện định danh cho 3 chủng vi khuẩn Gram dương cùng một lúc. - Thành phần hóa chất định danh: Urea, Esculin, Arginine, β - D - Galactopyranoside MU, β - D - Ribofuranoside MU, Rhamnose, Alanine AMC, Mannitol, β - D - Glucopyranoside, Trehalose, D - Alanine AMC, Maltose, β - D - Mannopyranoside MU, Ornithine AMC, Arginine AMC, β-D-Glucuronide MU, α-D-Glucopyranoside MU, Cysteine AMC, Glycerol, Threonine AMC, Methionine AMC, Glucose, Sucrose, Proline AMC, Serine AMC, β-Methyl Glucosid, Citrulline AMC, Pyroglutamate AMC, Sorbitol, Tyrosine AMC, Leucine AMC, Valine AMC 	khay	300	
24	BVDKDN1356	Khay kháng nấm đồ dành cho vi nấm có kháng nấm Isavuconazole	<ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng nấm đồ với anidulafungin và micafungin - Khay sử dụng chất chỉ thị màu alamarBlue - Thành phần kháng nấm (dãi nồng độ - µg/ml): Anidulafungin (0.015-8), Micafungin (0.008-8), Caspofungin (0.008-8), Isavuconazole (0.008 -8), Posaconazole (0.008-8), Voriconazole (0.008-8), Itraconazole (0.015-16), Fluconazole (0.12-256), Amphotericin B (0.12-8) - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	500	
25	BVDKDN1357	Khay kháng nấm đồ dành cho vi nấm	<ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng nấm đồ với anidulafungin và micafungin - Khay sử dụng chất chỉ thị màu alamarBlue - Thành phần kháng nấm (dãi nồng độ - µg/ml): Micafungin (0.008-8), Caspofungin (0.008-8), 5-Flucytosine (0.06-64), Posaconazole (0.008-8), Voriconazole (0.008-8), Itraconazole (0.015-16), Fluconazole (0.12-256), Anidulafungin (0.015-8), Amphotericin B (0.12-8). - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	1,000	
26	BVDKDN1358	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm đa kháng với 17 loại kháng sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm với Colistin, Ceftazidime/Avibactam và Cefotolozane/Tazobactam - Thành phần kháng sinh (dãi nồng độ - µg/ml): Meropenem (0.12-16), Gentamicin (0.5-8), Ciprofloxacin (0.06-2), Amoxicillin/clavulanic acid liều cố định 2 (4/2-64/2), Colistin (0.25-8), Tigecycline (0.25-4), Ceftazidime (0.5-16), Imipenem (0.5-16), Aztreonam (0.5-32), Ceflolozane/tazobactam 4 (0.5/4-32/4), Trimethoprim/sulfamethoxazole (1/19-8/152), Piperacillin/tazobactam liều cố định 4 (1/4-32/4), Cefotaxime (0.5-8), Ceftazidime/avibactam (0.5/4-16/4), Ertapenem (0.12-2), Amikacin (4-32), Tobramycin (1-8). - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	700	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	BVDKDN1359	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram dương để mọc	<p>Đặc điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. - Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram dương - Thành phần kháng sinh (dài nồng độ - µg/ml): Chloramphenicol (2-16), Daptomycin (0.5-4), Gentamicin (2-16), Linezolid (1-8), Rifampin (0.5-4), Trimethoprim/sulfamethoxazole (0.5/9.5 - 4/76), Quinupristin / Dalfopristin (0.5-4), Tetracycline (2-16), Erythromycin (0.25-4), Oxacillin + 2% NaCl (0.25-4), Ampicillin (0.12-8), Penicillin (0.06-8), Vancomycin (0.25-32), Levofloxacin (0.25 - 4), Tigecycline (0.03 - 0.5), Moxifloxacin (0.25 - 4), Clindamycin (0.5 - 2), Streptomycin (1000), Ciprofloxacin (1 - 2), Nitrofurantoin (32 - 64), D test 1, D test 2, Cefoxitin screen (6) - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	500	
28	BVDKDN1360	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm	<p>Đặc điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. - Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm - Thành phần kháng sinh (dài nồng độ - µg/ml): Ceftriaxone (0.5-32), Ciprofloxacin(0.06-2), Cefepime (1-32), Cefoxitin (4-16), Levofloxacin (0.06-8), Ertapenem (0.5-4), Trimethoprim / sulfamethoxazole (1/19-4/76), Colistin (1-8), Imipenem (0.5-16), Ceftazidime (1-32), Meropenem (0.5-16), Ampicillin / sulbactam 2:1 ratio (4/2-16/8), Doripenem (0.5-16), Cefotaxime (1-32), Amikacin (8-32), Amoxicillin / clavulanic acid 2:1 ratio (4/2-16/8), Piperacillin / tazobactam constant 4 (8/4-64/4), Gentamicin (2-8), Netilmicin (8-16), Ampicillin (8-16), Cefuroxime (8-16) - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	1,000	
29	BVDKDN1361	Khay kháng sinh đồ dành cho nhóm tụ cầu Staphylococcus	<p>Đặc điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. - Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ dành cho các loài Staphylococcus. - Thành phần kháng sinh (dài nồng độ - µg/ml): Cefoxitin (1-8), Cefazolin (0.5-4), Fusidate (0.5-4), Trimethoprim/sulfamethoxazole (1/19-8/152), Daptomycin (0.5-4), Linezolid (2-16), Clindamycin (0.12-1), Tetracycline (0.5-4), Levofloxacin (0.5-4), Teicoplanin (1-16), Norfloxacin (4-16), Erythromycin (0.25-4), D test 1, D test 2, Telavancin (0.03-1), Moxifloxacin (0.25-2), Tobramycin (0.25-8), Gentamicin (0.25-8), Vancomycin (0.5-16), Cefoxitin screen (6), Rifampin (0.03-1), Mupirocin (0.5-256)" - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	300	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
30	BVDKDN1362	Khay kháng sinh đồ dành cho các loài liên cầu Streptococcus	<p>Đặc điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. - Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ cho các loài Streptococcus - Thành phần kháng sinh (đãi nồng độ - µg/ml): Moxifloxacin (1-8), Levofloxacin (0.5-4), Tetracycline (1-8), Cefuroxime (0.5-4), Ceftriaxone (0.12-2), Cefotaxime (0.12-4), Daptomycin (0.06-2), Chloramphenicol (1-32), Penicillin (0.03-4), Meropenem (0.25-2), Ertapenem (0.5-4), Amoxicillin / clavulanic acid 2:1 ratio (2/1-16/8), Linezolid (0.25-4), Clindamycin (0.12-1), Cefepime (0.5-8), Tigecycline (0.015-0.12), Azithromycin (0.25-2), Erythromycin (0.25-2), Trimethoprim / sulfamethoxazole (0.5/9.5-4/76), Vancomycin (0.5-4)" 	khay	700	
31	BVDKDN1363	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm đa kháng	<p>Đặc điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. - Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm - Thành phần kháng sinh (đãi nồng độ - µg/ml): Levofloxacin (0.06-8), Doripenem (0.5-4), Ertapenem (0.5-4), Cefuroxime (8-16), Cephalothin (8-16), Meropenem (0.5-8), Amikacin (8-32), Imipenem (0.5-8), Gentamicin (2-8), Cefotaxime (1-32), Ampicillin (8-16), Piperacillin/tazobactam constant 4 (8/4-64/4), Ciprofloxacin (0.06-2), Netilmicin (8-16), Tigecycline (0.25-8), Amoxicillin / clavulanic acid 2:1 ratio (4/2-16/8), Trimethoprim / sulfamethoxazole (1/19-4/76), Cefepime (1-32), Ceftazidime (1-32), Ceftriaxone (0.5-32), Cefoxitin (4-16), Colistin (1-4)" - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	300	
32	BVDKDN1364	Khay kháng sinh đồ Colistin	<p>Đặc điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. - Khay đáp ứng các yêu cầu của FDA, CLSI và EUCAST hoặc tương đương <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay được thiết kế có thể thực hiện cùng lúc ≥ 8 mẫu/khay với kháng sinh Colistin. - Thành phần kháng sinh (đãi nồng độ - µg/ml): Colistin (0.12-128) x 8 hàng - Bảo quản: 15 -25°C 	khay	500	
33	BVDKDN1365	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm với 5 loại kháng sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm với Colistin, Ceftazidime/Avibactam và Ceftolozane/Tazobactam - Khay được thiết kế có thể thực hiện cùng lúc ≥ 3 mẫu/khay - Thành phần kháng sinh (đãi nồng độ - µg/ml): Colistin (0.25-8) Piperacillin/tazobactam liều cố định 4 (1/4-32/4), Ceftolozane/tazobactam 4 (0.25/4-8/4), Ceftazidime/avibactam (1/4-16/4), Meropenem (0.12-16) 	khay	300	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
34	BVDKDN1366	Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES	- Môi trường canh thang kháng sinh đồ Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES (CAMHBT)	ống	1,000	
35	BVDKDN1367	Nước khử khoáng	- Môi trường pha loãng các vi sinh vật được phân lập từ các mẫu lâm sàng để thử nghiệm độ nhạy cảm kháng sinh - Thành phần: Nước khử khoáng	ống	11,200	
36	BVDKDN1368	Canh thang làm kháng nấm đồ	- Môi trường canh thang thực hiện kháng nấm đồ - Thành phần: Chứa L-glutamine, Dextrose, RPMI 1640 Powder, và MOPS Free Acid. - Bảo quản: 2-8°C	ống	1,500	
37	BVDKDN1369	Môi trường canh thang cho nuôi cấy vi khuẩn	- Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES (CAMHBT) - Thành phần: Dung dịch chứa các ion canxi, ion magiê, canh thang Mueller Hinton và đệm TES	ống	6,700	
38	BVDKDN1370	Môi trường canh thang dùng cho kháng sinh đồ Haemophilus influenzae	- Môi trường canh thang dùng cho kháng sinh đồ Haemophilus influenzae	ống	400	
39	BVDKDN1371	Môi trường canh thang Mueller Hinton đã điều chỉnh cation có bổ sung máu ngựa đã ly giải	- Môi trường canh thang Mueller Hinton đã điều chỉnh cation có bổ sung máu ngựa đã ly giải	ống	300	
40	BVDKDN1372	Đầu phân phối huyền dịch tự động	- Đầu phân phối dùng một lần giúp định lượng nhanh và chính xác hầu hết các đĩa 96 giếng, sử dụng với máy phân phối tự động.	cái	11,200	
41	BVDKDN1373	Ống đo độ đục chuẩn 0.5 McF	- Chuẩn độ đục 0.5M McFarland - Thành phần: Nước siêu tinh khiết chứa các hạt styrene di-vinyl benzen siêu nhỏ được cung cấp trong các ống borosilicate có nắp vặn.	ống	3	
42	BVDKDN1374	Xét nghiệm phát hiện định tính (1→3)-β-D-glucan trong huyết thanh	- Xét nghiệm so màu dựa trên protease zymogen để phát hiện định tính (1→3)-β-D-glucan trong huyết thanh - Bộ kit bao gồm: + 10 ống thuốc thử LAL đặc hiệu (1→3)-β-D-glucan dạng đông khô + 5 ống chất chuẩn glucan - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA	hộp	20	
43	BVDKDN1375	Xét nghiệm nhanh kháng thể IgM IgG Aspergillus	Xét nghiệm nhanh dựa trên công nghệ sắc ký miễn dịch (dòng chảy bên), cho phép phát hiện đồng thời cả kháng thể kháng Aspergillus lớp IgG và IgM trong huyết thanh người Cassette sẵn sàng sử dụng được đóng gói trong túi kín cùng gói hút ẩm. Độ nhạy: ≥ 90% Độ đặc hiệu: ≥ 96%	test	1,000	
44	BVDKDN1376	Kit xét nghiệm định tính kháng nguyên Cryptococcal	Xét nghiệm dùng để phát hiện định tính hoặc bán định lượng polysaccharide dạng nang của phức hợp loài Cryptococcus (Cryptococcus neoformans và Cryptococcus gattii) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và dịch tủy não. Độ nhạy, độ đặc hiệu trên mẫu huyết thanh và dịch não tủy: ≥99% Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	test	300	
45	BVDKDN1377	Test nhanh phát hiện và xác định 5 loại enzyme carbapenemases (OXA-48, KPC, NDM và VIM, IMP)	Xét nghiệm dựa trên công nghệ màng với các hạt nano vàng dạng keo bao gồm các hóa chất và 2 băng cassette dòng chảy ngang để phát hiện và xác định enzyme carbapenemases (i) OXA-48, KPC, NDM và (ii) VIM và IMP từ nhóm vi khuẩn Enterobacteriaceae hoặc vi khuẩn Gram âm không lên men (NFGNB) Loại mẫu: khuẩn lạc vi khuẩn phân lập trên đĩa thạch, mẫu gạc trực tràng và mẫu cấy máu. Kết quả có thể quan sát trong ≤ 15 phút dưới dạng các vạch màu đỏ trên khay thử. Độ nhạy ≥ 98% Độ đặc hiệu ≥ 99% Bảo quản: 4 - 30°C	test	1,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa môi trường (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
46	BVDKDN1378	Xét nghiệm nhanh Galactomannan	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch để phát hiện định tính Aspergillus galactomannan LFA trong các mẫu huyết thanh và dịch rửa phế quản phế nang (BAL). Sử dụng thiết bị hỗ trợ sử dụng đèn LED ở bước sóng 525nm để đọc kết quả. Giá trị dự đoán âm tính NPV $\geq 94\%$ Thử nghiệm được thực hiện trong ≤ 30 phút và kết quả được đọc trong vòng ≤ 10 phút Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Dịch rửa phế quản Bảo quản: 2-30 °C.	test	1,000	
47	BVDKDN1379	Bộ kit tách chiết sinh học phân tử đa tác nhân	Bộ kit phân lập và tinh sạch DNA và RNA của virus, vi khuẩn, ký sinh trùng và nấm từ nhiều loại mẫu bệnh phẩm lâm sàng khác nhau (bao gồm mẫu tăm bông từ các vị trí giải phẫu khác nhau, nước bọt, đờm, dịch rửa phế quản (BAL), dịch hút phế quản (BAS), phân, nước tiểu, tinh dịch, máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, mẫu cấy máu, dịch não tủy (CSF), sinh thiết dạ dày và khuẩn lạc nuôi cấy vi khuẩn/nấm) sử dụng thiết bị tách chiết tự động. Các khay chứa sẵn thuốc thử sẵn sàng sử dụng. Bộ kit có chứa dung dịch huyền phù để tiền xử lý mẫu phân	test	4,000	
48	BVDKDN1380	Bộ xét nghiệm phát hiện định tính DNA/RNA của 16 virus và 6 vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp	Xét nghiệm real-time RT-PCR phát hiện đặc hiệu và định tính DNA/RNA từ Influenza A (Cúm A), Influenza B (Cúm B) và/hoặc virus hợp bào hô hấp ở người (RSV); Parainfluenza 1 (PIV-1), Parainfluenza 2 (PIV-2), Parainfluenza 3 (PIV-3) và/hoặc Parainfluenza 4 (PIV-4); Adenovirus ở người (AdV), Metapneumovirus (MPV) và/hoặc Bocavirus (BoV); rhinovirus ở người (HRV) và/hoặc enterovirus ở người (HEV); các chủng Coronavirus (CoV) 229E, NL63, OC43 và/hoặc HKU1; Chlamydomydia pneumoniae, Mycoplasma pneumoniae và/hoặc Legionella pneumophila; Haemophilus influenzae, Streptococcus pneumoniae và/hoặc Moraxella catarrhalis trong các mẫu hô hấp của bệnh nhân. Thuốc thử ở dạng đông khô sẵn sàng sử dụng Bộ kit có thể được vận chuyển và bảo quản ở 2-40°C	test	500	
49	BVDKDN1381	Bộ xét nghiệm định tính DNA từ Herpes virus 1, Herpes virus 2 & Treponema pallidum	Xét nghiệm xác định và phân biệt đặc hiệu Herpes virus 1, Herpes virus 2 và Treponema pallidum trong các mẫu lâm sàng từ bệnh nhân có dấu hiệu và triệu chứng loét sinh dục. Thuốc thử ở dạng đông khô sẵn sàng sử dụng Bộ kit có thể được vận chuyển và bảo quản ở 2-40°C	test	1,440	
50	BVDKDN1382	Khoanh giấy kháng sinh OPTOCHIN	Khoanh giấy Optochin được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae. Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm $\leq 2\%$. Đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	hộp	60	
51	BVDKDN1383	VAS Carybac Medium	Môi trường lỏng tăng sinh vi khuẩn kỵ khí đặc biệt là Bacteroides spp. và các vi khuẩn kỵ khí khó tính khác. Thành phần: Pancreatic digest of casein, Yeast extract, Glucose, Sodium chloride, L-Cystine, Sodium thioglycollate, pH 7.1 \pm 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	ống	1,000	
52	BVDKDN1384	VAS Môi trường vận chuyển H.pylori	Môi trường dùng bảo quản và vận chuyển mảnh sinh thiết dạ dày nghi ngờ nhiễm Helicobacter pylori. Thành phần: Glycerol, Sodium chloride, Enrichment product, Antibiotics mixture, pH 6.5 \pm 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	ống	500	
53	BVDKDN1385	VAS Urea Agar	Ống nhựa 1,5ml chứa 0,3ml môi trường thạch. Thực hiện thử nghiệm phát hiện và phát hiện nhanh Helicobacter pylori có trong bệnh phẩm sinh thiết dạ dày hoặc trên trong trường nuôi cấy. Đặc trưng của Helicobacter pylori là có khả năng phân hủy rất nhanh urea thành hydroxidamonium và làm kiềm hóa môi trường và được nhận diện bởi chất chỉ thị pH. Nếu có vi khuẩn Helicobacter pylori thì môi trường sẽ chuyển sang màu hồng đỏ trong vòng 30 phút (sinh thiết) và trong vòng 30 giây (khuẩn lạc nuôi cấy). Thành phần: Urea 40%, Phenol red, Na2HPO4 KH2PO4, Agar, pH 6.8 \pm 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	ống	500	
54	BVDKDN1386	VAS Pylori Agar + Horse Blood	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường nuôi cấy sàng lọc vi khuẩn Helicobacter Pylori trong mẫu sinh thiết dạ dày. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate, Starch, Agar, Horse blood, Helicobacter pylori selective supplement, pH 7.4 \pm 0.2 ở 25°C. Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	500	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa môi trường (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
55	BVDKDN1387	VAS Blood Anaerobic Agar	Đĩa thạch dùng sẵn dùng nuôi cấy phân lập vi khuẩn kỵ khí. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone, Yeast extract, Sodium chloride, Soluble Starch, Glucose, Sodium pyruvate, L-Arginine, Sodium succinate, L-cysteine HCl, Sodium bicarbonate, Iron (III) pyrophosphate, Haemin, Menadione, Dithiothreitol, Agar, Sheep blood pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	5,000	
56	BVDKDN1388	VAS MacConkey Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường dùng nuôi cấy chọn lọc và phân biệt khả năng lên men lactose của trực khuẩn Gram âm, dễ mọc Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone, Lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	15,000	
57	BVDKDN1389	VAS Sabouraud Dextrose Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường để nuôi cấy không chọn lọc, phân lập nấm men và nấm mốc trong mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Mycological peptone, Glucose, Agar, pH: 5.6 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	10,000	
58	BVDKDN1390	VAS Salmonella Shigella Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy chọn lọc phân biệt khả năng lên men lactose, phân lập Salmonella và Shigella từ các mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: 'Lab-Lemco' powder, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Bile salts, Sodium citrate, Iron (III) Citrate, Neutral red, Brilliant green, Agar, pH: 7.0 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	2,000	
59	BVDKDN1391	VAS Blood Agar	Đĩa thạch dùng sẵn dùng nuôi cấy và thử tính chất tan máu phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (alpha, gamma, beta) của hầu hết các vi sinh vật khó mọc và không khó mọc. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Special peptone, Soluble starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	15,000	
60	BVDKDN1392	VAS Chocolate Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy không chọn lọc các vi khuẩn khó mọc như Neisseria gonorrhoeae, Neisseria meningitidis và Haemophilus spp. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Special peptone, Soluble starch, Sodium chloride, Horse blood, Agar, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	1,000	
61	BVDKDN1393	VAS Chocolate Agar + Bacitracin	Đĩa thạch nâu có bổ sung Bacitracin dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy chọn lọc Haemophilus influenzae từ mẫu bệnh phẩm đường hô hấp. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Special peptone, Soluble starch, Sodium chloride, Horse blood, Bacitracin, Agar, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C. Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	2,500	
62	BVDKDN1394	VAS Chromogenic UTI Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường nuôi cấy sinh màu được dùng để phát hiện vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ± 0.2 ở 25°C; Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	10,000	



STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa môi trường (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
63	BVDKDN1395	VAS Chromogenic Strepto B	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C; Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	500	
64	BVDKDN1396	VAS Mueller Hinton Blood Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để thực hiện kháng sinh đồ bằng khoan giấy kháng sinh hoặc bằng que MIC trên trên vi khuẩn khó mọc. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Casein hydrolysate, Beef dehydrated infusion from, Starch, Sodium chloride, Agar, Sheep Blood, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	2,000	
65	BVDKDN1397	VAS Mueller Hinton Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để thực hiện kháng sinh đồ bằng khoan giấy kháng sinh hoặc bằng que MIC trên trên vi khuẩn dễ mọc. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Casein hydrolysate, Beef dehydrated infusion from, Starch, Sodium chloride, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	2,000	
66	BVDKDN1398	VAS Haemophilus Test Medium Agar	Môi trường dùng để thực hiện kháng sinh đồ bằng khoan giấy kháng sinh hoặc bằng que MIC được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm kháng sinh đối với vi khuẩn Haemophilus. Đĩa 90mm. Đóng gói chân không bằng màng Cellophane từ Cellulose giúp chống ẩm, không đọng nước đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Casein hydrolysate, Beef dehydrated infusion from, Starch, Agar, Yeast Extract, NAD, Haematin, pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C Được đánh giá đạt chứng nhận tuân thủ IVDR 2017/746; Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	đĩa	2,000	
67	BVDKDN1399	VAS Bộ Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Alcohol chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: 15-30°C - Sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch đạt ISO 14644-1 Class 6 (Class 1000)	Chai/250 ml	5	
68	BVDKDN1400	đầu cone có lọc 200ul	- Thẻ tích hút: 1 - 200 µL - Chất liệu đầu tip: Polypropylene, màu tự nhiên, chống bám dính - Chất liệu màng lọc: HDPE (High Density Polyethylen, màu tự nhiên, ngăn chặn việc mang sol khí trong suốt quá trình pipet - Kích thước: + Tổng chiều dài đầu tip: 58.6 mm, đường kính: 0.51 mm. - Sản phẩm đã được khử trùng bằng tia gamma, phù hợp với các yêu cầu của ANSI / AAMI / ISO 11137-2: 2006 để đạt được Mức đảm bảo vô trùng (SAL) là 10 ⁻³ - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Autoclaving: Tất cả tip, decks có thể hấp được: 121° ở áp suất 15 psi trong 15 phút - Đạt chứng nhận ISO 9001/13485	cái	2,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
69	BVDKDN1401	đầu cone có lọc 1000ul	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích hút: 100 - 1000 μL (thẻ tích hút tối đa: 1250 μL) - Chất liệu đầu tip: Polypropylene, màu tự nhiên - Chất liệu màng lọc: HDPE (High Density Polyethylen, màu tự nhiên, ngăn chặn việc mang sol khí trong suốt quá trình pipet - Kích thước: + Tổng chiều dài đầu tip: 102.0 mm, đường kính: 0.81 mm. - Sản phẩm đã được khử trùng bằng tia gamma, phù hợp với các yêu cầu của ANSI / AAMI / ISO 11137-2: 2006 để đạt được Mức đảm bảo vô trùng (SAL) là 10⁻³ - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Autoclaving: Tất cả tip, decks có thể hấp được: 121^o ở áp suất 15 psi trong 15 phút - Đạt chứng nhận ISO 9001/13485 	cái	10,000	
70	BVDKDN1402	Đầu côn có lọc 0.1-10 μ l	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích hút: 0.1-10μL, có màng lọc, đã được tiệt trùng - Đầu tip bám dính thấp - Chất liệu đầu tip: Polypropylene, màu tự nhiên - Chất liệu màng lọc: HDPE (High Density Polyethylen, màu tự nhiên, ngăn chặn việc mang sol khí trong suốt quá trình pipet - Không chứa pyrogen (Nonpyrogenic), RNase/DNase, không chứa DNA người và chất ức chế PCR - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	1,000	
71	BVDKDN1403	Đầu côn có lọc 10-100 μ l	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc - Thẻ tích: 1 - 100 μL - Vật liệu: Polypropylene, màu trong suốt - Chất liệu màng lọc: Polyethylene, giúp ngăn chặn việc lây nhiễm chéo từ mẫu này sang mẫu khác, không chứa chất ức chế DNA - Chứng nhận Không chứa RNase/DNase - Chứng nhận Không chứa chất gây sốt - Tiệt trùng - Đạt chứng chỉ ISO 9001/ ISO 13485 	cái	1,000	
72	BVDKDN1404	Đầu côn có lọc 20-200 μ l	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc - Thẻ tích: 1 - 200 μL - Vật liệu: Polypropylene, màu trong suốt - Chất liệu màng lọc: Polyethylene, giúp ngăn chặn việc lây nhiễm chéo từ mẫu này sang mẫu khác, không chứa chất ức chế DNA - Chứng nhận Không chứa RNase/DNase - Chứng nhận Không chứa chất gây sốt - Tiệt trùng - Đạt chứng chỉ ISO 9001, ISO 13485 	cái	1,000	
73	BVDKDN1405	Tube ly tâm 1,5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích 1.5ml, màu trắng trong - Chất liệu: polypropylene - Nắp bật Snaplock: đảm bảo độ kín khít hiệu quả. - Lực ly tâm: 16700 RCF - Bề mặt nắp, thân ống có khoảng mờ nhám để ghi - Không chứa chất gây sốt, không chứa DNA người, không chứa RNase-/DNase-free - Tất cả nhựa vật liệu đều đạt tiêu chuẩn và được chứng minh là không độc hại theo Tiêu chuẩn USP Class VI - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	10,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
74	BVDKDN1406	Ống ly tâm thể tích 15 mL	<ul style="list-style-type: none"> - Falcon® tube 15ml có độ trong suốt cao - Đường kính ngoài xấp xỉ 17mm; chiều dài xấp xỉ 120mm - Chất liệu ống: Polystyrene, thành ống trong suốt cho phép dễ dàng quan sát bên trong ống. - Nắp: Polyethylene, màu xanh, nắp vòm - Các vạch chia màu xanh đậm, khoảng chia 0.5 mL - Tiết trùng bằng bức xạ gamma - Chứng nhận không chứa DNase/RNase - Vùng ghi thông tin màu trắng giúp dễ dàng nhận dạng mẫu và chống dung môi giúp không bị lem. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 và FDA Quality System Regulation 21 CFR Section 820. 	cái	1,500	
75	BVDKDN1407	Ống Falcon thể tích 50mL	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích 15mL - Chất liệu ống: Polypropylene - Chất liệu nắp: Polyetylen mật độ cao, nắp vắn - Có vạch chia thể tích (mỗi 0.5ml một vạch) trong khoảng 1.5 - 14.5ml - Kiểu đáy: hình nón, không tự đứng, đã tiết trùng - Tốc độ ly tâm tối đa: 12,000 xg - Non-Pyrogenic, Human DNA Free, RNase-/DNase-free - Sản phẩm đã được khử trùng. Mức đảm bảo vô trùng (SAL) tối thiểu là 10⁻⁶. - USP Class VI Testing: Tất cả nhựa vật liệu đều được thử nghiệm, đủ tiêu chuẩn và được chứng minh là không độc hại theo Tiêu chuẩn USP Class VI - Đạt chứng chỉ ISO 9001/ ISO13485 	cái	200	
76	BVDKDN1408	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Hộp lưu mẫu đông lạnh Corning dùng cho ống 1 -2 mi - Sức chứa tối đa là 81 ống có ren ngoài hoặc ren trong. - Chất liệu: Polycarbonate nguyên chất và đạt tiêu chuẩn USP Class VI cho vật liệu nhựa - Có thể chịu được nhiệt độ từ -196°C đến +121°C - Có thể hấp khử trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA CFR 21 Part 820 và cGMP 	cái	50	
77	BVDKDN1409	Cryotube 2 ml	<ul style="list-style-type: none"> - Cryotube Corning® 2 mL đáy tròn, tự đứng - Chất liệu: Polypropylene nguyên chất và đạt tiêu chuẩn USP Class VI cho vật liệu nhựa - Vạch chia màu đen và các điểm đánh dấu lớn hơn giúp dễ dàng điền thông tin và nhận dạng mẫu. - Tiết trùng bằng bức xạ. Mức độ đảm bảo vô trùng đạt 10⁻⁶ - Không chứa RNase/DNase, không chứa chất gây sốt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA CFR 21 Part 820 và cGMP 	cái	500	
78	BVDKDN1410	Tube Falcon 5 mL	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích: 5ml, đáy tròn, nắp chụp (dùng cho máy Flowcytometry) - Chất liệu ống: Polypropylene nguyên chất, đạt tiêu chuẩn USP Class VI cho vật liệu nhựa. - Chiều dài ống: 75mm - Đường kính ngoài: 12mm - Không chứa Dnase/Rnase - RFC tối đa: 1400 xg - Không chứa nội độc tố, kết quả kiểm tra nồng độ nội độc tố ≤ 0.1 EU/ml - Sản phẩm đã được khử trùng và theo tiêu chuẩn ANSI / AAMI / ISO 11137. Mức đảm bảo vô trùng (SAL) tối thiểu là 10⁻³ - Không chứa DNase/RNase - Sản xuất bằng 100% năng lượng tái tạo thông qua Chứng chỉ thuộc tính năng lượng EAC - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	cái	1,000	
79	BVDKDN1411	Tube PCR 0.2 mL	<ul style="list-style-type: none"> - Tube PCR 0.2 ml trong suốt, nắp phẳng - Vật liệu: polypropylene nguyên chất - Độ dày thành siêu mỏng và đồng nhất cho phép truyền nhiệt chính xác và nắp đậy kín giúp ngăn ngừa sự bay hơi. - Không chứa chất gây sốt, không chứa DNase/ RNase, không chứa DNA người - Đạt chứng chỉ ISO 13485, FDA CFR 21 Part 820 và cGMP 	cái	1,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
80	BVDKDN1412	Đầu côn 200 µl	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích hút: 1 - 200 µL - Vật liệu: Polypropylene, màu vàng, chất cô đặc màu không chứa kim loại nặng - Kích thước: dài: 51.4mm, I.D (lỗ nhỏ): 0.46mm - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Có thể hấp diệt trùng ở 121°C và 15 psi trong 15 phút - Được chế tạo trong môi trường đúc được kiểm soát để đảm bảo độ chính xác - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001/13485 	cái	5,000	
81	BVDKDN1413	Đầu côn 200- 1000 µl	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích hút: 100 - 1000 µL - Vật liệu: Polypropylene, màu xanh, chất cô đặc màu không chứa kim loại nặng - Kích thước: dài: 57mm, I.D : 0.91mm - Có vạch chia 250, 500 và 1,000 µL - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, RNase-/DNase-free - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001/13485 - Sản xuất bằng 100% năng lượng tái tạo thông qua Chứng chỉ thuộc tính năng lượng EAC 	cái	5,000	
82	BVDKDN1414	Đầu côn có lọc 10 µl (loại dài)	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc Axygen® 10 µL Maxymum Recovery® - Công nghệ Maxymum Recovery cho tỷ lệ bám dính cực thấp và thu hồi cao. - Chất liệu đầu côn: Polypropylene - Chất liệu lọc: Polyethylene - Màng lọc không chứa chất phụ gia dễ thôi nhiễm - Phạm vi thể tích: 0.5 - 10 µL - Không chứa RNase/Dnase, không chứa chất gây sốt, không chứa DNA người và không gây ức chế PCR - Đạt tiêu chuẩn ISO 13486 	cái	5,000	
83	BVDKDN1415	Đĩa kháng sinh phù hợp thứ 11 loại kháng sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Gồm có các khoanh giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ sau: Cefotaxime 30 µg, Imipenem 10µg, Ciprofloxacin 5µg, Doxycycline 30µg, Cefuroxime 30 µg, Colistin 10mcg, Netilmicin 30mcg, Ceftazidime 30mcg, Ceftriaxone 30mcg, Ertapenem 10mcg, Levofloxacin 5mcg.. - Được đóng gói kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2% - Đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương, đạt chuẩn CLSI. 	đĩa	500	
84	BVDKDN1416	Đĩa kháng sinh phù hợp thứ 17 loại kháng sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Gồm có các khoanh giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ sau: Rifampicin 5 µg, Amoxicillin + Clavulanic acid 30 µg, Azithromycin 15µg, Cefpodoxime 10µg, Clarithromycin 15µg, Linezolid 30µg, Oxacillin 1 µg, Streptomycin 300 µg, Tigecycline 15 µg, Amikacin 30 µg, Ampicillin + Sulbactam 20 µg, Clindamycin 2 µg, Nitrofurantoin 300 µg, Piperacillin + Tazobactam 110 µg, Teicoplanin 30 µg, Vancomycin 30 µg, Metronidazole 50 µg. - Được đóng gói kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2% - Đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương, đạt chuẩn CLSI. 	đĩa	500	
85	BVDKDN1417	Đĩa kháng sinh phù hợp thứ 6 loại kháng sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Gồm có các khoanh giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ sau: Amoxicillin 10µg, Ampicillin 10µg, Cefoxitin 30µg, Erythromycin 15µg, Gentamicin 10µg, Trimethoprim 1.25µg + Sulfamethoxazole 23.75µg. - Được đóng gói kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm ≤ 2% - Đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương, đạt chuẩn CLSI. 	đĩa	500	



STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
86	BVDKDN1418	Đĩa giấy tẩm kháng sinh Optochin 5µg	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy Thermo Scientific™ Oxoid™ Optochin được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Optochin có nồng độ 5µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	đĩa	500	
87	BVDKDN1419	Đĩa giấy tẩm kháng sinh Penicilin 10U	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy Thermo Scientific™ Oxoid™ Optochin được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10 units - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	đĩa	500	